

Bản án số: 33/2019/HS – PT

Ngày: 25/4/2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nghiêm Thị Lượng.*

*Các thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.*

*Ông Nguyễn Hữu Hòa.*

*- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký  
Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.*

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông  
Phùng Đức Khương - Kiểm sát viên.*

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2019/TLPT – HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ và các đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

*\* Các bị cáo có kháng cáo:*

**1. Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1964; nơi cư trú: khu N, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Đỗ Thị X, sinh năm 1935; vợ là Lê Thị B, sinh năm 1973; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 26/1985 ngày 29/3/1985 TAND thị xã B (thành phố B) xử phạt 08 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bản án số 54/1988 ngày 20/9/1988 TAND thị xã B (thành phố B) xử phạt 06 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Bản án số 54/1992 ngày 24/12/1992 TAND thị xã B (thành phố B) xử phạt 16 tháng tù về tội “Đánh bạc”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 05/10/2016 đến 24/01/2017; hiện tại ngoại; có mặt.

- Đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ: Bà Lê Thị B, sinh năm 1973 (vợ bị cáo); trú quán: khu N, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đ (do Tòa án chỉ định): Ông Nguyễn Văn K tỉnh Bắc Ninh- Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Văn K thuộc Đoàn luật sư; (Ông K xin vắng mặt và gửi bản luận cứ bào chữa).

**2. Bùi Mạnh H**, sinh năm 1988; nơi cư trú: xóm V, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Tá S (đã chết) và bà Bùi Thị N, sinh năm 1967; vợ là Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 1988; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 17/10/2016 đến 08/12/2016; hiện tại ngoại; có mặt.

**3. Phạm Ngọc T**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu 2, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc Th, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1968; vợ là Ngô Thị Kim Th, sinh năm 1996; có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ 05/10/2016 đến 25/11/2016; hiện tại ngoại; có mặt.

**4. Nguyễn Văn V**, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm I, khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; vợ là Đỗ Thị B, sinh năm 1991; có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011; tiền sự: Không; 01 tiền án: Tại Bản án số 185 ngày 03/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 10.000.000đ về tội “Đánh bạc”; hiện tại ngoại; vắng mặt.

**5. Đặng Ngọc H1**, sinh năm 1963; HKTT: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Số 21 T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Ngọc M (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940; vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965; có 02 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 91 ngày 24/10/2013 Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 7 tháng tù cho hưởng án treo về tội đánh bạc; bị tạm giữ, tạm giam từ 05/10/2016 đến 25/11/2016; hiện tại ngoại; có mặt.

**6. Ngô Thị L**, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 31 T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Chỗ ở: Kiốt chợ H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ;

tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn V và bà Đỗ Thị B (đều đã chết); chồng là Nguyễn Minh S, sinh năm 1962; có 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 37 ngày 23/3/1998 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt 4 năm tù về tội “Mua bán phụ nữ”; bị cáo hiện tại ngoại; vắng mặt do đã rút kháng cáo.

**7. Đỗ Văn H2**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 43 đường Ng, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Ph, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960; vợ là Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1989; có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ 05/10/2016 đến 25/11/2016; hiện tại ngoại; có mặt.

**8. Bùi Tá T1**, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 241 đường Tr, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lái xe taxi; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Tá A (đã chết) và bà Trịnh Thị D, sinh năm 1933; vợ là Đinh Thị H, sinh năm 1982; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ 05/10/2016 đến 25/11/2016; hiện tại ngoại; có mặt.

**9. Bùi Trọng C**, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm 3, khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trọng T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1986 (đã ly hôn); chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại; vắng mặt do đã rút kháng cáo.

**10. Nguyễn Mạnh T2**, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số 34 H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trần T (đã chết) và bà Lê Minh H, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại; có mặt.

**11. Nguyễn Đức N**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Khu 2, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1951 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1955; vợ là Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1993; có 01 con sinh 2012; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại; có mặt.

**12. Đỗ Đình C2**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Số 605 H, khu 2, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đình Kh, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1961; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại; có mặt.

**13. Nguyễn Thành C3**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 429 Ng, khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến Th, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L (đã chết); vợ là Đỗ Thị Q, sinh năm 1990; có 02 con, lớn sinh 2010, nhỏ sinh 2012; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại; có mặt.

Trong vụ án này còn có bị cáo Bùi Trọng T4 và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 6/2016 đến tháng 10/2016 Nguyễn Văn Đ đã có hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc trên mạng Internet bằng hình thức cá độ thông qua các trận bóng đá của các đội bóng đá trên thế giới và các trò chơi trên mạng với các đối tượng trên địa bàn thành phố Bắc Ninh. Để thực hiện việc đánh bạc và tổ chức đánh bạc, vào khoảng tháng 6/2016 Đ được Đỗ Cường Tr ở Tiên An cấp cho Đ tài khoản có ký hiệu TY3200 để cá độ bóng đá. Đ và Tr thỏa thuận giá quy đổi 1 “đô” bằng 14.500đ, com 3. Sau đó vào khoảng tháng 8/2016 Đ có nhờ Nguyễn Quang Bắc S ở phố V, phường Đ lấy cho Đ mạng cá độ bóng đá có tài khoản TVA8ZS1 đường link truy cập <https://b88ag.com> (tài khoản tổng master) với thỏa thuận giá quy đổi 1 “đô” bằng 8.000đ, com 1,8. Sau khi quản lý 2 tài khoản tổng, Đ đã lập ra các tài khoản đại lý, sau đó từ tài khoản “đại lý” tiếp tục lập ra các tài khoản “con bạc” để cá độ bóng đá trên website: bong88.com. Các tài khoản đại lý Đ giao cho các đối tượng T, H, T1 để tổ chức đánh bạc. Ngoài việc Đ cấp các tài khoản đại lý để tạo thành đường giây tổ chức đánh bạc, Đ còn tự tạo tài khoản “con bạc” để đánh bạc với các đối tượng Nguyễn Mạnh T2, Lê Đình L và Đặng Ngọc H.

Cụ thể: Về tài khoản TY3200, Đ chia cắt thành các tài khoản đại lý TY3200TD cấp cho Phạm Ngọc T, Đ và T thỏa thuận giá “đô” là 18.000đ, com3.

Về tài khoản TVA8ZS1 Đ cấp cho Bùi Mạnh H, Đ và H thỏa thuận 1 “đô” bằng 10.000đ, com 2. Sau khi nhận tài khoản từ Đ, H đã cắt ra thành các tài khoản “đại lý” và các tài khoản “con bạc” để đánh bạc với Đ và các đối tượng khác. Sau đó H cấp cho Bùi Trọng T4 tài khoản “đại lý” có ký hiệu

TVA8ZS101, H và T4 thỏa thuận 1 “đô” bằng 15.000đ, com 2, sau khi nhận tài khoản từ H, T4 đã cắt thành tài khoản “con bạc” để trực tiếp đánh bạc với Đ và với các đối tượng khác.

Trong khoảng thời gian từ 24/8/2016 đến 02/10/2016 Đ đã tổ chức đánh bạc và đánh bạc, trong 1689 trận đấu bóng đá, 85 lượt quay Number Game, trong đó có 09 trận đấu bóng đá đánh với số tiền trên 50.000.000đ, 285 trận bóng đá đánh với số tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ và 1395 trận đấu số tiền dưới 5.000.000đ. Tổng số tiền Đ đánh bạc với các đối tượng đánh bạc là 5.222.786.203đ, Đ thắng bạc được 352.873.000đ. Cụ thể thông qua tài khoản Đ cấp cho Phạm Ngọc T, Đ đánh bạc với Nguyễn Đức N 41 trận đấu bóng đá trong đó có 20 trận số tiền đánh bạc trên 5.000.000đ, đánh bạc với Đỗ Đình C2 trong 66 trận đấu, trong đó có 03 trận số tiền trên 5.000.000đ, đánh bạc với Trần Quang T5 36 trận với số tiền dưới 5.000.000đ. Ngoài ra Phạm Ngọc T còn trực tiếp đánh bạc trong 47 trận đấu trong đó có 01 trận có số tiền trên 5.000.000đ, các trận còn lại dưới 5.000.000đ. Tổng số tiền T2 đánh bạc là 51.004.800đ, T2 thắng bạc 161.640đ. Về tài khoản cấp cho Bùi Mạnh H, Đ thông qua Bùi Mạnh H và Bùi Trọng T4 đánh bạc với Nguyễn Thành C3, Bùi Trọng T4, Bùi Trọng C, Nguyễn Văn V, Bùi Tá T1 và Đỗ Văn H, trong đó có 02 trận đánh với số tiền trên 50.000.000đ. Bùi Mạnh H trực tiếp cá độ trong 48 trận đấu trong đó có 02 trận số tiền trên 50.000.000đ, ngoài ra Bùi Mạnh H, Bùi Trọng T4, Đỗ Văn H còn chung nhau cá độ trong 15 trận đấu, trong đó có 05 trận có số tiền trên 50.000.000đ.

Các đối tượng đánh bạc là Nguyễn Mạnh T2 đánh bạc với Đ 91 trận trong đó có 53 trận số tiền đánh bạc từ 5.000.000 trở lên đến dưới 50.000.000đ, Tổng số tiền T2 đánh bạc với Đ là 482.370.000đ, T2 thua số tiền 3.600đ. Lê Đình L trực tiếp đánh bạc với Đ 27 trận trong đó có 25 trận có số tiền trên 5.000.000đ, 02 trận có số tiền dưới 5.000.000đ, Tổng số tiền L đánh bạc với Đ là 233.800.000đ, Lợi thua phải trả Đ số tiền 55.754.000đ. Đặng Ngọc H đánh bạc với Đ= 6 trận có số tiền trên 5.000.000đ, 30 trận có số tiền dưới 5.000.000đ, tổng số tiền H đánh bạc là 114.884.800đ, H thua phải trả Đ số tiền là 13.671.200đ.

- Đối với Phạm Ngọc T sử dụng tài khoản “đại lý” TY3200 TD do Đ cấp với thỏa thuận 1 “đô” bằng 18.000đ, 1 com = 3 đô. T sử dụng tài khoản này tạo thành các tài khoản “con bạc” để đánh bạc với Nguyễn Đức N theo thỏa thuận 1 “đô” = 35.000đ, đánh bạc với Đỗ Đình C2 và Trần Quang Th với thỏa thuận 1 “đô” = 50.000đ. T trực tiếp đánh bạc với Đ 47 trận trong đó có 01 trận có số tiền trên 5.000.000đ. Cụ thể như sau:

- Ngày 02/10/2016 trận Burnley và Arsenal giải ngoại hạng Anh dùng 3.240.000đ đánh bạc ở 04 kèo, thắng 2.152.800đ ở 02 kèo, hòa 900.000đ ở 01

kèo. Số tiền dùng đánh bạc: 5.392.800đ. Ngoài ra còn dùng 45.612.000đ đánh bạc ở 46 trận, mỗi trận dưới 5.000.000đ.

T trực tiếp đánh với Nguyễn Đức N 41 trận trong đó có 33 trận số tiền trên 5.000.000đ, có 8 trận số tiền dưới 5.000.000đ. T đánh với Đỗ Đình C2 66 trận và 48 lượt cá cược tổng hợp, trong đó có 7 trận có số tiền trên 5.000.000đ, còn lại là dưới 5.000.000đ. T đánh bạc với Trần Quang Th 36 trận, số tiền đều dưới 5.000.000đ. Tổng số Tiền T được hưởng lợi là 32.979.850đ.

- Đối với Đỗ Đình C2 từ ngày 19/9/2016 đến 01/10/2016 C2 tham gia đánh bạc trong 114 trận đấu và cá cược tổng hợp với T, trong đó có 7 trận có số tiền trên 5.000.000đ (trong đó có trận cá độ trên 20.000.000đ), 107 trận số tiền dưới 5.000.000đ, tổng số tiền đánh bạc của C2 là 194.693.500đ, C2 thắng 4.545.000đ.

- Đối với Bùi Mạnh H sử dụng tài khoản tổng ký hiệu TVA8ZS1 của Đ với thỏa thuận 1 “đô” = 10.000đ, 1 com = 2 đô, H cắt từ tài khoản này giao cho Bùi Mạnh T4 với thỏa thuận 1 “đô” = 15.000đ. Ngoài việc thông qua T4 để tạo đường giây tổ chức cá độ, H còn trực tiếp tạo ra tài khoản con bạc để đánh bạc với Bùi Tá T1, Đỗ Văn H rồi chuyển cho Đ. H tự sử dụng tài khoản TVA8ZS106666 để cá độ trực tiếp với Đ 117 kèo trong 48 trận đấu bóng, trong đó có 02 trận có số tiền trên 50.000.000đ, 31 trận có số tiền trên 5.000.000đ và 15 trận có số tiền dưới 5.000.000đ. Tổng số tiền H trực tiếp đánh bạc với Đ là 649.699.700đ, H thắng số tiền 15.899.700đ.

Ngoài ra H còn chung với Đỗ Văn H và Bùi Trọng T4 sử dụng tài khoản TVA8ZS106888 đánh bạc trực tiếp với Đ 15 trận đấu bóng, trong đó có 5 trận có số tiền đánh bạc trên 50.000.000đ, 10 trận có số tiền trên 5.000.000đ, tổng số tiền dùng đánh bạc là 640.140.000đ, số tiền thua Đ là 151.480.000đ.

- Từ ngày 01/9 đến 02/10/2016 H2 trực tiếp đặt cược 228 kèo trong 154 trận đấu bóng trong đó có 02 trận có số tiền trên 50.000.000đ, có 126 trận có số tiền trên 5.000.000đ và 26 trận có số tiền dưới 5.000.000đ. Tổng số tiền H2 đánh bạc là 1.905.837.500đ, H2 thua 10.396,02 đô tương đương 103.960.200đ, số com được hưởng là 610,98 đô tương đương 12.219.600đ, Như vậy H2 phải trả H để H trả Đ số tiền 91.740.600đ.

- Đối với Bùi Trọng C sử dụng tài khoản TVA8ZS101005 để đánh bạc trực tiếp với Bùi Trọng T4 theo thỏa thuận 1 đô = 30.000đ. Trong 2 tuần C trực tiếp tham gia đặt cược 225 kèo trong 144 trận đấu bóng. Trong đó có 29 trận có số tiền đánh bạc trên 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ và 115 trận có số tiền đánh bạc dưới 5.000.000đ. Tổng số tiền đánh bạc là 524.406.000đ, C thắng số tiền 100,88đô tương đương 3.026.400đ.

- Đối với Nguyễn Thành C3 sử dụng tài khoản TVA8ZS101007 để đánh bạc trực tiếp với T4. Từ ngày 24/8 đến 28/8/2016 C3 trực tiếp tham gia 54 trận đấu bóng và 85 lượt quay Number Games. Trong đó có 18 trận có số tiền trên 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ, các trận còn lại dưới 5.000.000đ. Tổng số tiền C3 đánh bạc là 371.633.000đ, Công thắng là 2.491.800đ.

- Đối với Ngô Thị L từ ngày 05/9 đến 02/10/2016 L đánh bạc trong 550 trận đấu bóng, trong đó có 5 trận có số tiền đánh bạc trên 5.000.000đ, có 545 trận có số tiền dưới 5.000.000đ. Tổng số tiền L đánh bạc là 611.856.105đ, L thua 847,47đô tương đương 21.186.750đ.

- Đối với Nguyễn Văn V, từ ngày 06/9 đến 09/9/2016, V tham gia cá độ trong 163 trận đấu bóng, trong đó có 68 trận có số tiền đánh bạc trên 5.000.000đ đến dưới 50.000.000đ và 95 trận có số tiền dưới 5.000.000đ. Tổng số tiền dùng đánh bạc là 807.435.000đ. V thua T4 số tiền là 67.260.500đ.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ một số vật chứng, tài sản liên quan đến tội phạm của các bị cáo.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Bùi Mạnh H, Bùi Trọng T4, Phạm Ngọc T phạm 2 tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”, Nguyễn Văn V, Đặng Ngọc H, Ngô Thị L, Đỗ Văn H, Bùi Tá T1, Bùi Trọng C, Nguyễn Mạnh T2, Nguyễn Đức N, Đỗ Đình C2 và Nguyễn Thành C3 phạm tội “Đánh bạc”

1. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 249; Điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 50, 53 BLHS 1999; NQ số 41/QH; Khoản 3 Điều 7, Khoản 1 Điều 321; Điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS 2015: Xử phạt Nguyễn Văn Đ 30 (ba mươi) tháng tù, phạt tiền 10.000.000đ về tội “Đánh bạc”, 36 (ba mươi sáu) tháng tù, phạt tiền 15.000.000đ về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 66 (sáu mươi sáu) tháng tù, phạt tiền 25.000.000đ (hai mươi năm triệu). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ (05/10/2016 - 24/01/2017).

2. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; khoản 1, khoản 3 Điều 249; Điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 50, 53 BLHS 1999; NQ số 41/QH, khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 321; Điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS 2015: Xử phạt Bùi Mạnh H 29 (hai mươi chín) tháng tù, phạt tiền 10.000.000đ về tội đánh bạc, 15 (mười lăm) tháng tù, phạt tiền 10.000.000đ về tội tổ chức đánh bạc, tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 44 (bốn mươi bốn) tháng tù, phạt tiền 20.000.000đ.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ (17/10/2016 - 08/12/2016).

3. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248; khoản 1, 3 Điều 249; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 50, 53 BLHS 1999; NQ số 41/QH, khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 321; Điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS 2015: Xử phạt Phạm Ngọc T 12 (mười hai) tháng tù, phạt tiền 8.000.000đ về tội đánh bạc; 12 (mười hai) tháng tù, phạt tiền 10.000.000đ về tội Tổ chức đánh bạc. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 24 (hai mươi bốn) tháng tù, phạt tiền từ 18.000.000đ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ 05/10/2016 – 25/11/2016.

4. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS 1999; NQ số 41/QH; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 BLHS 2015: Xử phạt Đỗ Văn H2 28 (hai mươi tám) tháng tù, phạt tiền từ 10.000.000đ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ (05/10/2016 - 25/11/2016).

5. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33, 53 BLHS 1999; NQ số 41/QH; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 BLHS 2015: Xử phạt:

- Nguyễn Mạnh T2 10 (mười) tháng tù, phạt tiền 8.000.000đ, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Nguyễn Văn V 14 (mười bốn) tháng tù, phạt tiền 8.000.000đ, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

6. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33, 53 BLHS 1999; NQ số 41/QH; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 BLHS 2015:

- Xử phạt Bùi Trọng C 09 (chín) tháng tù, phạt tiền 6.000.000đ, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Nguyễn Đức N 09 (chín) tháng tù, phạt tiền 6.000.000đ, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

- Đỗ Đình C2 06 (sáu) tháng tù, phạt tiền 5.000.000đ, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

- Nguyễn Thành C3 từ 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Đặng Ngọc H1 08 (tám) tháng tù. Phạt tiền 5.000.000đ, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ (05/10/2016 – 25/11/2016).

7. Căn cứ khoản 1 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33, 53 BLHS 1999; NQ số 41/QH; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 BLHS 2015 xử phạt Bùi Tá T1 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ (05/10/2016 – 25/11/2016).

8. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33, 53 BLHS 1999; NQ số 41/QH; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 BLHS 2015 xử phạt Ngô Thị L 06 (sáu) tháng tù, phạt tiền 8.000.000đ, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với bị cáo Bùi Trọng T4, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18, 20/12/2018, các bị cáo Phạm Ngọc T, Đỗ Đình C2, Nguyễn Thành C3 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 20, 21, 26, 27/12/2018, các bị cáo Bùi Mạnh H, Đỗ Văn H2, Nguyễn Mạnh T2, Bùi Trọng C, Nguyễn Đức N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25/12/2018, bị cáo Nguyễn Văn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 21, 26/12/2018, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Ngô Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin giảm hình phạt bổ sung.

Ngày 20/12/2018, bị cáo Đặng Ngọc H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và xin miễn hình phạt bổ sung.

Ngày 20/12/2018, bị cáo Bùi Tá T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và xin miễn, giảm hình phạt bổ sung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ngô Thị L và Bùi Trọng C xin rút toàn bộ kháng cáo. 11 bị cáo còn lại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, một số bị cáo xin hưởng án treo và xin miễn giảm tiền truy thu dùng vào việc đánh bạc, tiền phạt bổ sung. 10 bị cáo có mặt tại phiên tòa đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã quy kết và đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ, bị cáo Đ trình bày bị bệnh. Một số bị cáo xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới tại giai đoạn phúc thẩm cụ thể: Đỗ Đình C2 nộp 50.000.000đ, Bùi Tá T1 nộp 60.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ nộp 25.000.000 đồng, Nguyễn Thành C3 nộp 264.590.000 đồng và chứng nhận bố bị cáo là thương binh, Bùi Trọng C nộp 20.000.000đồng, Đặng Ngọc H1 nộp 10.200.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên toà đề nghị đình chỉ phúc thẩm đối với các bị cáo Ngô Thị L và Bùi Trọng C. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị

cáo còn lại, vai trò đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới đã đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo giữ nguyên hình phạt cho hưởng án treo đối với các bị cáo Bùi Tá T1, Nguyễn Thành C3 và Đỗ Đình C2. Giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn Đ khoảng 06 tháng tù ở tội Đánh bạc, giảm nhẹ cho bị cáo Đặng Ngọc H1 khoảng 03 tháng tù.

Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Văn V, Bùi Mạnh H, Đỗ Văn H2, Nguyễn Đức N, Nguyễn Mạnh T2 và Phạm Ngọc T. Không chấp nhận kháng cáo xin miễn giảm tiền truy thu dùng vào việc đánh bạc.

Các bị cáo đều không tham gia tranh luận về tội danh, chỉ đề nghị giảm nhẹ hình phạt và tiền truy thu. Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ và đại diện hợp pháp cho bị cáo đề nghị xem xét cho bị cáo hiện bị bệnh tâm thần hạn chế khả năng nhận thức, có thái độ khai báo thành khẩn, gia đình có công đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, đối với bị cáo Nguyễn Văn V, mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng bị cáo có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do bị bệnh. HĐXX nhận thấy, lý do xin hoãn phiên tòa của bị cáo là không có căn cứ nên không chấp nhận. Xét thấy sự vắng mặt của bị cáo V không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, do vậy HĐXX xét xử vắng mặt bị cáo theo luật định.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Ngô Thị L và Bùi Trọng C có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với hai bị cáo.

Đối với 11 bị cáo có kháng cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng tháng 6/2016 đến tháng 10/2016 Nguyễn Văn Đ đã có hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc trái phép trên mạng Internet bằng hình thức cá độ thông qua các trận bóng đá của các đội bóng đá trên thế giới và các trò chơi trên mạng với các đối tượng trên địa bàn thành phố Bắc Ninh. Đ đã được hưởng lợi số tiền lớn 352.873.000đ, bị cáo đánh bạc nhiều lần, nhiều ngày trong đó có nhiều lần với số tiền lớn trên 50 triệu đồng.

Đối với bị cáo Bùi Mạnh H sau khi lấy tài khoản đại lý TVA8ZS1 từ Đ bị cáo đã cắt tài khoản này thành tài khoản TAV8ZS101 để giao cho Bùi Trọng T4 với giá đô chênh lệch. Ngoài ra bị cáo còn tạo ra tài khoản con bạc khác để đánh

bạc với Đỗ Văn H2, Bùi Tá T1 và trực tiếp đánh bạc với Đ. Việc tổ chức đánh bạc, tài khoản của bị cáo thua nên không hưởng lợi. Bị cáo đánh bạc với Đ và các đối tượng nhiều lần, nhiều ngày trong đó có nhiều lần đánh với số tiền trên 50.000.000đ.

Đối với Phạm Ngọc T sau khi nhận tài khoản từ Đ, bị cáo đã cắt tài khoản ra nhiều tài khoản khác để giao cho Nguyễn Đức N, Đỗ Đình C2, Trần Quang Th với giá đô cao hơn để đánh bạc với các đối tượng này. Thời gian đánh bạc tài khoản của T hưởng lợi 32.979.850đ. Bị cáo đánh bạc với các đối tượng mỗi lần đều dưới 50.000.000đ.

Đối với Đỗ Văn H2 sau khi có tài khoản bị cáo đã thực hiện cá độ nhiều lần trong đó có 2 lần có số tiền trên 50.000.000đ.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn V, Đặng Ngọc H1, Ngô Thị L, Bùi Tá T1, Bùi Trọng C, Nguyễn Mạnh T2, Nguyễn Đức N, Đỗ Đình C2 và Nguyễn Thành C3 sau khi có tài khoản cá độ, các bị cáo đều thực hiện hành vi cá độ nhiều lần, nhiều trận nhưng toàn bộ các trận cá độ đều có số tiền dưới 50.000.000đ.

Do vậy, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đ phạm tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 248 và tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 249 BLHS năm 1999, Bùi Mạnh H phạm tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 248 và tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249, Phạm Ngọc T phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 và tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 BLHS, bị cáo Đỗ Văn H2 phạm tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 248 BLHS, các bị cáo Nguyễn Văn V, Đặng Ngọc H1, Ngô Thị L, Bùi Tá T1, Bùi Trọng C, Nguyễn Mạnh T2, Nguyễn Đức N, Đỗ Đình C2 và Nguyễn Thành C3 phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt chính, hình phạt bổ sung, tiền truy thu và xin hưởng án treo của 11 bị cáo còn lại, HĐXX nhận thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là nguyên nhân của các tội phạm khác. Tại phiên tòa phúc thẩm một số bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới đó là đã tự nguyện nộp tiền phạt theo Bản án sơ thẩm gồm: Bị cáo Đỗ Đình C2 nộp 50.000.000đ, Bùi Tá T1 nộp 60.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ nộp 25.000.000 đồng, Nguyễn Thành C3 nộp 264.590.000 đồng và chứng nhận bố bị cáo là thương binh, Bùi Trọng C nộp 20.000.000 đồng, Đặng Ngọc H1 nộp 10.200.000 đồng.

Xét thấy các bị cáo Đỗ Đình C2, Bùi Tá T1 và Nguyễn Thành C3 có vai trò thấp nhất trong vụ án và có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội ít nghiêm trọng và có tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm, nên cần chiếu cố khoan hồng phạt các bị cáo một mức án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục thành người lương thiện.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đặng Ngọc H1 cũng đã tích cực nộp tiền phạt và một phần tiền truy thu, bị cáo Phạm Ngọc T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; do vậy cần chấp nhận giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo ở tội “Đánh bạc”.

Đối với các bị cáo còn lại gồm: Bùi Mạnh H, Nguyễn Văn V, Đỗ Văn H2, Nguyễn Mạnh T2, Nguyễn Đức N không có tình tiết giảm nhẹ mới, do vậy không có căn cứ để HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Các bị cáo đánh bạc trái phép nhằm mục đích thu lợi bất chính vì vậy không chấp nhận kháng cáo xin miễn, giảm tiền phạt và tiền truy thu dùng vào việc đánh bạc.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Các bị cáo Đỗ Đình C2, Bùi Tá T1, Nguyễn Thành C3, Nguyễn Văn Đ, Phạm Ngọc T, Đặng Ngọc H1, Ngô Thị L và Bùi Trọng C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Bùi Mạnh H, Nguyễn Văn V, Đỗ Văn H2, Nguyễn Mạnh T2 và Nguyễn Đức N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Ngô Thị L và Bùi Trọng C. Xác nhận bị cáo Bùi Trọng C nộp thêm 20.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002029 ngày 23/4/2019 của Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Mạnh H, Nguyễn Văn V, Đỗ Văn H2, Nguyễn Mạnh T2, Nguyễn Đức N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; khoản 1, khoản 3 Điều 249; Điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321; Điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015: Xử phạt Bùi Mạnh H 29 (hai mươi chín) tháng tù, phạt tiền 10.000.000 đồng về tội đánh bạc, 15 (mười lăm) tháng tù, phạt tiền 10.000.000 đồng về tội tổ chức đánh bạc, tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 44 (bốn mươi

bốn) tháng tù, phạt tiền 20.000.000 đồng. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/10/2016 đến ngày 08/12/2016.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015, Xử phạt Đỗ Văn H2 28 (hai mươi tám) tháng tù và 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2016 đến ngày 25/11/2016.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015, Xử phạt:

Nguyễn Mạnh T2 10 (mười) tháng tù và 8.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Nguyễn Văn V 14 (mười bốn) tháng tù và 8.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015: Xử phạt Nguyễn Đức N 09 (chín) tháng tù và 6.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Ngọc T và Đặng Ngọc H1, sửa bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 249; Điểm n, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321; Điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015: Xử phạt Nguyễn Văn Đ 24 (hai mươi tư) tháng tù, phạt tiền 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, 36 (ba mươi sáu) tháng tù, phạt tiền 15.000.000 đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 60 (sáu mươi) tháng tù, phạt tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2016 đến ngày 24/01/2017 (Xác nhận bị cáo Đ đã nộp đủ 25.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số 0002030 ngày 23/4/2019 của Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; khoản 1, 3 Điều 249; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321; Điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 06 (sáu) tháng tù, phạt tiền 8.000.000 đồng về tội đánh bạc, 12 (mười hai) tháng tù, phạt tiền 10.000.000 đồng về tội Tổ chức đánh bạc. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 18 (mười tám) tháng tù, phạt tiền 18.000.000 đồng. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2016 đến ngày 25/11/2016.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33, 53 BLHS 1999; NQ số 41/QH; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Đặng Ngọc H1 05 (năm) tháng tù. Phạt tiền 5.000.000 đồng, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ 05/10/2016 đến ngày 25/11/2016. (Xác nhận bị cáo H1 nộp thêm tổng cộng là 10.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002035 ngày 24/4/2019 và 0002036 ngày 25/4/2019 của Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

4. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Tá T1, Đỗ Đình C2 và Nguyễn Thành C3, sửa bản án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 60, 53 BLHS 1999; NQ số 41/QH; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 BLHS 2015 xử phạt Bùi Tá T1 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách (Xác nhận bị cáo T1 nộp 60.000.000 đồng tiền truy thu theo Biên lai thu tiền số 0002031 ngày 23/4/2019 và 0002025 ngày 22/4/2019 của Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 60, 53 BLHS 1999; NQ số 41/QH; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 BLHS 2015 xử phạt Đỗ Đình C2 06 (sáu) tháng tù và 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, giao bị cáo cho UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách (Xác nhận bị cáo C2 nộp 50.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002032 ngày 23/4/2019 và 0002024 ngày 22/4/2019 của Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 60, 53 BLHS 1999; NQ số 41/QH; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 321 BLHS 2015 xử phạt Nguyễn Thành C3 từ 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách (Xác nhận bị cáo C3 đã nộp đủ tiền truy thu và án phí 264.590.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002021 ngày 22/4/2019 và 0002024 ngày 22/4/2019 của Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Ngọc T, Đặng Ngọc H1, Ngô Thị L, Bùi Tá T1, Bùi Trọng C, Đỗ Đình C2 và Nguyễn Thành C3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Bùi Mạnh H, Nguyễn Văn V, Đỗ Văn H2, Nguyễn Mạnh T2 và Nguyễn Đức N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ 1 – TAND tối cao; TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT; VKS; TAND; Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Lượng**

